TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/KDTM-ST
Ngày 18-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Việt Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 50/2024/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH S; có trụ sở: Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 4, ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số G, đường số C, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH C; có trụ sở: Thửa đất số 2045, tờ bản đồ số 16, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn K; chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Đầu tháng 12 năm 2022, ông Nguyễn Đức K1 - Là giám đốc của Công ty TNHH C (gọi tắt Công ty C) đặt mua 171 tấm tôn lạnh của Công ty TNHH S (gọi tắt Công ty S) với tổng giá trị tài sản là 81.419.670 đồng. Các bên liên hệ với nhau qua điện thoại đặt hàng, thỏa thuận giao hàng đến địa điểm do bên mua chỉ định và hẹn chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ khi bên bán xuất hóa đơn gửi cho bên mua qua mail thì bên mua sẽ thanh toán đầy đủ tiền hàng. Tuy nhiên, sau khi Công ty S xuất hóa đơn gửi cho Công ty C theo thỏa thuận và chờ thanh toán nhưng Công ty C không chịu thanh toán, đưa hết lý do này đến lý do khác.

Vì vậy, Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền mua hàng còn nợ là 81.419.670 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 08/12/2022 đến thời điểm xét xử (18/7/2024) với số tiền 81.419.670 đồng x 9%/năm x 19 tháng 18 ngày = 11.968.691 đồng. Tổng cộng 93.388.361 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hóa đơn giá trị gia tăng số 96 ngày 08/12/2022, Phiếu giao nhận hàng số PX003/1222 ngày 01/12/2022.

- *Bị đơn* Công ty TNHH C đã được tòa án triệu tập hợp lệ để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/6/2024, tham gia phiên tòa vào các ngày 28/6/2024 và ngày 18/7/2024 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Thửa đất số 2045, tờ bản đồ số 16, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 28/6/2024 và ngày 18/7/2024 nhưng đều vắng mặt

không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét thỏa thuận mua bán hàng hóa được ký kết giữa Công ty TNHH S với Công ty TNHH C, tuy không lập thành hợp đồng nhưng giữa các bên đã xác lập việc mua bán hoàng hóa là 171 tấm tôn lạnh với tổng giá trị tài sản 81.419.670 đồng, điều này được thể hiện tại biên bản giao nhận hàng số PX003/1222 ngày 01/12/2022 do chính người đại diện theo pháp luật của Công ty C ký nhận và Hóa đơn giá trị gia tăng số 96 ngày 08/12/2022 giữa bên bán hàng là Công ty S với bên mua hàng là Công ty C nên đây hợp đồng mua bán hàng hóa thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Thương mại. Theo nội dung Biên bản giao nhận hàng số PX003/1222 ngày 01/12/2022 và Hóa đơn giá trị gia tăng số 96 ngày 08/12/2022 thể hiện Công ty C còn nợ Công ty S số tiền mua bán hàng hóa là 81.419.670 đồng (bao gồm thuế GTGT). Vậy vậy, Công ty TNHH S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Nhất T1 số tiền còn nợ là 81.419.670 đồng, là có cơ sở chấp nhận

[3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn:

Thỏa thuận mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH S với Công ty TNHH C thì các bên không thỏa thuận về lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, theo Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác*". Do đó, mức lãi suất chậm thanh toán của bị đơn được tính theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo thông báo lãi suất cho vay số 106/NHNo.DA ngày 26/3/2024 của Ngân hàng N là 6.5%/năm; thông báo lãi suất cho vay số 221/NBD.KT ngày 27/3/2023 của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 là 5.30%/năm, thông báo lãi suất cho vay số 127/CV-CNKCNBD-TH ngày 26/3/2024 của Ngân hàng thương mại cổ phần C1 là 9.0%/năm thì lãi suất nợ quá hạn trung bình là: (6.5%/năm + 5.30%/năm + 9.0%/năm): 3 x 150% = 10.4%/năm. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán, mức lãi suất yêu cầu là 09%/năm với số tiền 11.968.691 đồng, là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH C phải chịu án phí trên số tiền trả cho Công ty TNHH S theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S đối với bị đơn Công ty TNHH C về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" .

- Buộc Công ty TNHH C phải thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền mua bán hàng hóa còn nợ tính đến ngày 18/7/2024 là 93.388.361 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 81.419.670 đồng và tiền lãi chậm thanh toán 11.968.691 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH C phải chịu 4.669.418 đồng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH S toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002892 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**